ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: đại học chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị đào tạo: Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mã đơn vị đào tạo trong tuyển sinh: QHQ

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Cơ sở Xuân Thuỷ: Nhà E5 & G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Cơ sở Ngụy Như Kon Tum: Nhà C, E, Làng sinh viên HACINCO, 79 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Cơ sở Trịnh Văn Bô: Số 1, Phố Trịnh Văn Bô, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Cơ sở Hoà Lạc: Toà nhà HT1, Khu Đô thị đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc, Hà Nội.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: http://www.is.vnu.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 19002609/ 0983372988/ 0379884488/ 0989106633/ 0866753338/ 0866053336;

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: https://www.is.vnu.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-tai-dai-hoc-quoc-gia-ha-noi

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: https://www.is.vnu.edu.vn/cac-thong-tin-ve-hoat-dong-cua-co-so-dao-tao

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), đối tượng tuyển sinh bao gồm:

(1) Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

(2) Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản (1) mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

(3) Trường Quốc tế có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh:

a) Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8): thí sinh đáp ứng điều kiện tại mục 2.1;

b) Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025: thí sinh đáp ứng điều kiện tại mục 2.2;

c) Xét kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức: thí sinh đáp ứng điều kiện tại mục 2.3;

d) Xét tuyển các phương thức khác: thí sinh đáp ứng điều kiện tại mục 2.5.

(4) Thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập được Trường Quốc tế thực hiện các biện pháp cần thiết, tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Trường Quốc tế thực hiện tuyển sinh theo các phương thức xét tuyển và chỉ tiêu cụ thể như sau:

STT	Phương thức tuyển sinh	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	301	1%
2	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	100	99%
3	Xét kết quả thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức	401	
4	Xét tuyển các phương thức khác	500	

Bảng 1. Bảng phương thức tuyển sinh

2.1. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)

Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 (hoặc tương đương) được xét tuyển thẳng vào Trường Quốc tế theo chương trình/ngành đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải *(môn đoạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đoạt giải phù hợp với chương trình, ngành đào tạo)* khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) quốc gia, quốc tế;

b) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật (KHKT) cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia.

Nguyên tắc Xét tuyển thẳng: Trường Quốc tế xét tuyển thẳng theo thứ tự nguyện vọng ưu tiên của thí sinh; xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Thứ tự ưu tiên

xét tuyển căn cứ theo kết quả cuộc thi, giải thưởng thí sinh đoạt được (quốc tế, khu vực, quốc gia,..) và các tiêu chí phụ khác (nếu có) theo hướng dẫn của ĐHQGHN.

Lưu ý:

- Thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng vào Trường Quốc tế năm 2025 được xem xét ***cấp học bổng đầu vào trị giá lên tới 100% học phí toàn khóa học***. Chi tiết tại Phụ lục II;

- Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn HSG cấp quốc gia, quốc tế cần nộp quyết định cử đi thi của cơ quan có đủ thẩm quyền và Giấy chứng nhận đoạt giải;

- Đối với thí sinh đoạt giải trong cuộc thi KHKT cấp quốc gia, quốc tế cần nộp thêm nội dung đề tài đoạt giải;

- Các kết quả cuộc thi/giải thưởng có thời hạn trong thời gian 3 năm tính từ thời điểm đoạt giải đến khi đăng ký xét tuyển;

- Thí sinh thuộc đối tượng ***ưu tiên xét tuyển*** theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Quy định của ĐHQGHN được ưu tiên xét tuyển vào chương trình/ngành đào tạo phù hợp tại Trường Quốc tế với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải (môn đoạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đoạt giải phù hợp với chương trình, ngành đào tạo) theo hình thức ***cộng điểm*** *(quy định tại mục 5.2)* thông qua các phương thức xét tuyển quy định tại mục 2.2, 2.3.

2.2. Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) không giới hạn số nguyện vọng vào các ngành đào tạo của Trường Quốc tế.

Danh sách các ngành học, mã ngành, tổ hợp xét tuyển và môn chính như sau:

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính
1	Đại học	7340120	QHQ01	Kinh doanh quốc tế	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X26.	
2	Đại học	7340303	QHQ02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	A00, A01, D01, D07, C01, C02, X02, X26.	
3	Đại học	7340405	QHQ03	Hệ thống thông tin quản lý	A00, A01, A02, D01, D07, C01, C02, X02, X26.	Toán
4	Đại học	7480106	QHQ04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	A00, A01, A02, D07, C01, C02, X02, X06, X26.	Toán

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính
5	Đại học	7340125	QHQ05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	A00, A01, A02, D01, D07, C01, C02, X02, X26.	Toán
6	Đại học	7340115	QHQ06	Marketing (song bằng do ĐHQGHN và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng)	A00, A01, D01, D07, D09, C01, C02, X02, X26.	
7	Đại học	7340108	QHQ07	Quản lý (song bằng do ĐHQGHN và Đại học Keuka, Hoa Kỳ cùng cấp bằng)	A00, A01, D01, D07, D09, C01, C02, X02, X26.	
8	Đại học	7510306	QHQ08	Tự động hóa và Tin học	A00, A01, A02, D07, C01, C02, X02, X06, X26.	Toán
9	Đại học	7220201	QHQ09	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	A01, D01, D07, D08, D09, D10, X26.	Tiếng Anh
10	Đại học	7480210	QHQ10	Công nghệ thông tin ứng dụng	A00, A01, A02, D07, C01, C02, X02, X06, X26.	Toán
11	Đại học	7480209	QHQ11	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	A00, A01, A02, D01, D07, C01, C02, X02, X26.	Toán
12	Đại học	7520139	QHQ12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	A00, A01, A02, D07, C01, C02, X02, X06, X26.	Toán
13	Đại học	73401A1	QHQ13	Kinh doanh số	A00, A01, D01, D03, D07, D29, C01, C02, X02, X26.	
14	Đại học	7320111	QHQ14	Truyền thông số	A00, A01, D01, D03, D07, D29, C01, C02, X02, X26.	

Điều kiện phụ:

- Điểm môn chính nhân hệ số 2 (nếu có);
- Đối với các ngành có mã xét tuyển QHQ01, QHQ02, QHQ03, QHQ04, QHQ05, QHQ06, QHQ07, QHQ09, QHQ13, QHQ14 thí sinh phải có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn tiếng Anh đạt tối thiểu 6,0 điểm *(theo thang điểm 10)* hoặc có điểm trung bình chung môn tiếng Anh 6 kỳ của cấp THPT đạt tối thiểu 7,0 hoặc có chứng chỉ tiếng Anh đạt điều kiện miễn thi theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành *(phụ lục I)*.

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển	Môn chính
- Đối với các ngành có mã xét tuyển QHQ08, QHQ10, QHQ11, QHQ12 thí sinh phải có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn tiếng Anh đạt tối thiểu 5,0 điểm *(theo thang điểm 10)* hoặc có điểm trung bình chung môn tiếng Anh 6 kỳ của cấp THPT đạt tối thiểu 7,0 hoặc có chứng chỉ tiếng Anh đạt điều kiện miễn thi theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành *(phụ lục I)*.						

Bảng 2: Bảng tổ hợp xét tuyển và điều kiện phụ

Mã tổ hợp xét tuyển vào Trường Quốc tế, ĐHQGHN năm 2025	
A00: Toán, Vật lí, Hóa học	D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh
A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh	D29: Toán, Vật lí, Tiếng Pháp
A02: Toán, Vật lí, Sinh học	C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí
D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học
D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	X02: Toán, Ngữ văn, Tin học
D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	X06: Toán, Vật lí, Tin học
D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh	X26: Toán, Tin học, Tiếng Anh
D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	

Bảng 3: Bảng mã tổ hợp xét tuyển

Điểm xét tuyển theo thang điểm 30, được tính theo công thức cụ thể sau:

+ Trường hợp tổ hợp xét tuyển có môn chính:

Điểm xét tuyển = (Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn chính x 2) / 4 * 3 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên khu vực/đối tượng (nếu có)

+ Trường hợp tổ hợp xét tuyển không có môn chính:

Điểm xét tuyển = Điểm Môn 1 + Điểm Môn 2 + Điểm Môn 3 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên khu vực/đối tượng (nếu có)

Điểm trúng tuyển vào ngành theo phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT là duy nhất, áp dụng chung cho tất cả tổ hợp xét tuyển.

Thí sinh được phép sử dụng điểm chứng chỉ ngoại ngữ quy đổi theo thang điểm 10 để thay thế điểm thi tốt nghiệp THPT môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển, cụ thể như sau:

STT	Trình độ Tiếng Anh				Quy đổi điểm chứng chỉ theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L+R/S/W)	VSTEP 3 - 5	
1	5.5	72 - 78	785/160/150	6.0 - 6.5	8,5
2	6.0	79 - 87	840/160/160	7.0 - 7.5	9,0
3	6.5	88 - 95	890/170/170	8.0 - 8.5	9,5

STT	Trình độ Tiếng Anh				Quy đổi điểm chứng chỉ theo thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L+R/S/W)	VSTEP 3 - 5	
4	7.0 - 9.0	96 - 120	945/180/180 trở lên	9.0 - 10	10

Bảng 4: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh sang thang điểm 10

STT	Trình độ tiếng Pháp		Quy đổi điểm chứng chỉ theo thang điểm 10
	TCF	DELF	
1	400 - 420	DELF B2 (50 - 60)	8.5
2	421 - 440	DELF B2 (61 - 70)	9.0
3	441 - 450	DELF B2 (71 - 75)	9.5
4	451 - 470	DELF B2 (≥76) DALF C1 (≥50)	10

Bảng 5: Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Pháp sang thang điểm 10

2.3. Xét kết quả thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức

Thí sinh có kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức (HSA) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định và đáp ứng 1 trong 3 điều kiện tiếng Anh dưới đây:

(1) Có kết quả thi môn tiếng Anh trong kỳ thi HSA đạt tối thiểu 30/50 điểm trở lên;

(2) Có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Tiếng Anh đạt tối thiểu 6,0 điểm *(theo thang điểm 10)* đối với các ngành có mã xét tuyển QHQ01, QHQ02, QHQ03, QHQ04, QHQ05, QHQ06, QHQ07, QHQ09, QHQ13, QHQ14 và tối thiểu 5,0 điểm *(theo thang điểm 10)* đối với các ngành có mã xét tuyển QHQ08, QHQ10, QHQ11, QHQ12 hoặc có chứng chỉ tiếng Anh đạt điều kiện miễn thi theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành *(phụ lục I);*

(3) Có điểm trung bình chung môn tiếng Anh 6 kỳ của cấp THPT đạt tối thiểu 7,0.

Điểm xét tuyển là tổng điểm thi HSA được quy đổi sang thang 30 theo hướng dẫn của ĐHQGHN, cộng điểm cộng và điểm ưu tiên đối tượng/khu vực *(nếu có)*.

2.4. Xét tuyển theo phương thức khác

2.4.1. Xét tuyển thí sinh quốc tế

Xét tuyển thí sinh quốc tế căn cứ theo Quy định về quản lý và thu hút người nước ngoài học tập ở ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 5292/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/12/2023 và Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh là người nước ngoài, người Việt Nam có quốc tịch và cư trú ở nước ngoài, tốt nghiệp chương trình THPT hoặc tương đương (*được Việt Nam công nhận*), đáp ứng các yêu cầu tuyển sinh theo Quy định của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế.

- Xét tuyển thí sinh quốc tế có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Vương quốc Anh (A-Level) với kết quả 3 môn thi trong đó bắt buộc có môn Toán theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng, đảm bảo mỗi môn đạt từ 60/100 điểm trở lên *(tương đương điểm C, PUM range ≥ 60)*.

2.4.2. Xét tuyển thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương ở nước ngoài

Thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương ở nước ngoài có kết quả học tập 3 môn học cấp THPT theo tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành đăng ký xét tuyển *(trong đó bắt buộc có môn Toán)* với mức điểm mỗi môn đạt tối thiểu 6/10 hoặc tương đương, đồng thời đạt điều kiện phỏng vấn của Trường Quốc tế. Thí sinh được phép sử dụng điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế *(IELTS/TOEFL iBT)* quy đổi theo thang điểm 10 để thay thế điểm kết quả học tập cấp THPT môn Tiếng Anh *(theo Bảng 4, mục 2.2)*.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào:

+ Đối với phương thức xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và phương thức xét tuyển bằng kết quả kỳ thi HSA: Căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định, Trường Quốc tế sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT;

+ Đối với các phương thức còn lại: Ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của từng phương thức.

- Quy đổi điểm trúng tuyển: Trường Quốc tế sẽ công bố nguyên tắc quy đổi điểm trúng tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của ĐHQGHN, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Năm 2025, Trường Quốc tế tuyển sinh 14 chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh quy định tại mục 2.

- Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành đào tạo như sau:

STT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành	Nhóm ngành	Chỉ tiêu
1	QHQ01	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh	170
2	QHQ02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	Kế toán - Kiểm toán	150

STT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành	Nhóm ngành	Chỉ tiêu
3	QHQ03	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Quản trị - Quản lý	100
4	QHQ04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	7480106	Máy tính	80 (dự kiến)
5	QHQ05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	Kinh doanh	100
6	QHQ06	Marketing (song bằng do ĐHQGHN và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng)	7340115	Kinh doanh	90
7	QHQ07	Quản lý (song bằng do ĐHQGHN và Đại học Keuka, Hoa Kỳ cùng cấp bằng)	7340108	Kinh doanh	50 (dự kiến)
8	QHQ08	Tự động hóa và Tin học	7510306	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	100
9	QHQ09	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	100
10	QHQ10	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	Công nghệ thông tin	100
11	QHQ11	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	7480209	Công nghệ thông tin	90
12	QHQ12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	7520139	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	70
13	QHQ13	Kinh doanh số	73401A1	Kinh doanh	50
14	QHQ14	Truyền thông số	7320111	Báo chí và truyền thông	50

Ghi chú:

- Các ngành QHQ04, QHQ08, QHQ10, QHQ11, QHQ12 dự kiến tổ chức đào tạo tại cơ sở Hòa Lạc trong 02 năm đầu;
- Đối với các ngành QHQ04, QHQ07: Trường Quốc tế dự kiến tuyển sinh khi Hồ sơ gia hạn/chuyển đổi chương trình được ĐHQGHN phê duyệt.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường Quốc tế

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Trường Quốc tế không chấp nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online;

- Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng và không có kỹ năng nào dưới 5 theo thang điểm 10 *(điểm tối thiểu từng kỹ năng như sau: 4.5 điểm đối với chứng chỉ IELTS; 15 điểm đối với chứng chỉ TOEFL iBT)*;

- Thời hạn sử dụng của các chứng chỉ ngoại ngữ, kết quả kỳ thi HSA và các chứng chỉ khác *(nếu có)*: 2 năm kể từ ngày thi.

5.2. Điểm cộng

Trường Quốc tế quy định các mức điểm cộng cho thí sinh khi đăng ký xét tuyển vào trường cụ thể như sau:

5.2.1. Thí sinh đạt giải tại các kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi KHKT cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia (môn đoạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đoạt giải phù hợp với chương trình, ngành đào tạo)

STT	Giải thưởng	Điểm cộng
1	Giải Nhất	3 điểm
2	Giải Nhì	2,5 điểm
3	Giải Ba	2 điểm
4	Giải Khuyến khích	1,5 điểm

5.2.2. Thí sinh đạt giải tại các kỳ thi chọn HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW (môn đoạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đoạt giải phù hợp với chương trình, ngành đào tạo)

STT	Giải thưởng	Điểm cộng
1	Giải Nhất	2,5 điểm
2	Giải Nhì	2 điểm
3	Giải Ba	1,5 điểm
4	Giải Khuyến khích/Giải Tư	1 điểm

5.2.3. Thí sinh đã tham gia Chương trình VNU 12+ đáp ứng các tiêu chí tại mục 2.1.3

với kết quả học tập trong chương trình đào tạo đại học (GPA) xếp loại Khá trở lên

STT	Kết quả học tập trong chương trình đào tạo đại học (GPA)	Điểm cộng
1	Xuất sắc	2,5 điểm
2	Giỏi	2 điểm
3	Khá	1,5 điểm

5.2.4. Thí sinh có chứng chỉ IELTS (Academic) từ 5.5 hoặc TOEFL iBT từ 72 trở lên xét tuyển vào Trường Quốc tế thông qua các tổ hợp không có môn ngoại ngữ

STT	IELTS	TOEFL iBT	Điểm cộng
1	8.0 - 9.0	110 - 120	2 điểm
2	7.0 - 7.5	96 - 109	1,5 điểm
3	5.5 - 6.5	72 - 95	1 điểm

5.2.5. Thí sinh có kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT từ 1100/1600 điểm trở lên

STT	Kết quả kỳ thi SAT	Điểm cộng
1	1450 - 1600	2 điểm
2	1360 - 1440	1,5 điểm
3	1100 - 1350	1 điểm

Lưu ý chung cho mục 5.2:

- Tổng điểm cộng không vượt quá tối đa 10% theo thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30) và được cộng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

- Trường Quốc tế quy định mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét (30 điểm), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này. Thí sinh có nhiều thành tích, có nhiều điểm cộng nhưng chỉ được tính 01 lần với mức điểm/thành tích cao nhất.

5.3. Điểm ưu tiên đối tượng/khu vực

Trường Quốc tế áp dụng mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh hiện hành, trong đó:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi theo thang điểm 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định

5.4. Nguyên tắc xét tuyển

- Trường Quốc tế xét tuyển (đối với từng thí sinh) theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng (NV) đã đăng ký (NV1 là NV ưu tiên cao nhất). Thí sinh được đăng ký không giới hạn NV theo mã ngành/chương trình vào trường và chỉ trúng tuyển 01 NV có ưu tiên cao hơn và sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo;

- Trường Quốc tế xét tuyển theo mã ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh;

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân;

5.5. Ngôn ngữ đào tạo

STT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo
1	QHQ01	Kinh doanh quốc tế	Tiếng Anh
2	QHQ02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	Tiếng Anh
3	QHQ03	Hệ thống thông tin quản lý	Tiếng Anh
4	QHQ04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	Tiếng Anh
5	QHQ05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	Tiếng Anh
6	QHQ06	Marketing (song bằng do ĐHQGHN và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng)	Tiếng Anh
7	QHQ07	Quản lý (song bằng do ĐHQGHN và Đại học Keuka, Hoa Kỳ cùng cấp bằng)	Tiếng Anh
8	QHQ08	Tự động hóa và Tin học	Tiếng Anh và Tiếng Việt
9	QHQ09	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	Tiếng Anh
10	QHQ10	Công nghệ thông tin ứng dụng	Tiếng Anh và Tiếng Việt
11	QHQ11	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	Tiếng Anh và Tiếng Việt

STT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo
12	QHQ12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	Tiếng Anh và Tiếng Việt
13	QHQ13	Kinh doanh số	Tiếng Việt - 2 năm đầu; Tiếng Anh – 2 năm cuối
14	QHQ14	Truyền thông số	Tiếng Việt - 2 năm đầu; Tiếng Anh – 2 năm cuối

6. Tổ chức tuyển sinh

- Trường Quốc tế tổ chức xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2025 của Bộ GD&ĐT và kế hoạch tuyển sinh của ĐHQGHN

- Hình thức tuyển sinh: trực tuyến/online, cụ thể:

+ ***Phương thức xét tuyển thẳng:*** Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng theo hình thức trực tuyến/online đồng thời trên hệ thống của Trường Quốc tế từ ngày 01/6/2025 đến hết 17h ngày 30/6/2025 và trên hệ thống của Bộ GD&ĐT theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

+ ***Phương thức xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025:*** Thí sinh đăng ký nguyện vọng trực tuyến/online trên hệ thống của Bộ GD&ĐT theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT. Đồng thời, khuyến khích thí sinh đăng ký xét tuyển đồng thời trên hệ thống của Trường Quốc tế (https://ts.isvnu.vn) từ ngày 16/7/2025 đến hết 17h ngày 28/7/2025.

+ ***Phương thức xét kết quả kỳ thi HSA:*** Thí sinh đăng ký nguyện vọng trực tuyến/online trên hệ thống của Bộ GD&ĐT theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT. Đòng thời, khuyến khích thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Trường Quốc tế (https://ts.isvnu.vn) từ ngày 01/6/2025 đến hết 17h ngày 28/7/2025.

+ ***Phương thức khác:*** Theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

Lưu ý:

- Thời gian xét tuyển được cập nhật theo Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và được thông báo trên website chính thức của Trường Quốc tế - ĐHQGHN (https://www.is.vnu.edu.vn);

- Xét tuyển đợt bổ sung (nếu còn chỉ tiêu): Thời gian và quy định cụ thể xét tuyển của từng ngành học tương ứng sẽ được công bố trên website của ĐHQGHN và của Trường Quốc tế, dự kiến hoàn thành trước ngày 28/9/2025 (trừ đối tượng thí sinh quốc tế).

7. Chính sách ưu tiên

Trường Quốc tế thực hiện chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

8. Lệ phí xét tuyển

Thí sinh nộp lệ phí đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến/online trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT dự kiến từ ngày 29/7/2025 đến hết 17h ngày 5/8/2025 theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo thông báo của Trường Quốc tế.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường Quốc tế cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

10. Các nội dung khác

10.1. Thông tin về học phí

Học phí chương trình đào tạo đại học:

STT	Tên chương trình	Mức học phí dự kiến cho khóa tuyển sinh năm 2025					Tổng học phí cả khóa học (dự kiến)
		2025-2026	2026-2027	2027-2028 (dự kiến)	2028-2029 (dự kiến)	2029-2030 (dự kiến)	
1	**Chương trình do ĐHQGHN cấp bằng**						
1.1	Kinh doanh quốc tế	50.600.000	50.600.000	50.600.000	50.600.000	-	202.400.000
1.2	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	50.600.000	50.600.000	50.600.000	50.600.000	-	202.400.000
1.3	Hệ thống thông tin quản lý	48.000.000	48.000.000	48.000.000	48.000.000	-	192.000.000
1.4	Tin học và Kỹ thuật máy tính	48.000.000	48.000.000	48.000.000	48.000.000		192.000.000
1.5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	39.750.000	44.750.000	49.750.000	49.750.000		184.000.000
1.6	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	42.250.000	47.750.000	53.718.750	60.433.594	-	204.152.344
1.7	Tự động hóa và Tin học	46.250.000	52.250.000	58.781.250	66.128.906	34.189.844	257.600.000
1.8	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	46.250.000	52.250.000	58.781.250	66.128.906	-	223.410.156
1.9	Công nghệ thông tin ứng dụng	46.250.000	52.250.000	58.781.250	66.128.906	-	223.410.156
1.10	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	46.250.000	52.250.000	58.781.250	66.128.906	-	223.410.156
1.11	Kinh doanh số	39.750.000	44.750.000	49.225.000	54.147.500	-	187.872.500
1.12	Truyền thông số	42.250.000	47.750.000	52.525.000	57.777.500	-	200.302.500

STT	Tên chương trình	Mức học phí dự kiến cho khóa tuyển sinh năm 2025					Tổng học phí cả khóa học (dự kiến)
		2025-2026	2026-2027	2027-2028 (dự kiến)	2028-2029 (dự kiến)	2029-2030 (dự kiến)	
2	**Chương trình song bằng do ĐHQGHN và trường đại học nước ngoài cùng cấp bằng**						
2.1	Marketing (ĐHQGHN và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng)	80.500.000	80.500.000	80.500.000	80.500.000		322.000.000
2.2	Quản lý (ĐHQGHN và Đại học Keuka, Hoa Kỳ cùng cấp bằng)	112.700.000	112.700.000	112.700.000	112.700.000		450.800.000

- Các khoản thu được thực hiện vào đầu mỗi học kỳ theo thông báo thu của Trường, mức thu mỗi học kỳ căn cứ theo số tín chỉ đăng ký học trong kỳ hoặc tính bình quân học phí mỗi học kỳ theo kế hoạch đào tạo của Trường Quốc tế.

- Mức học phí trên không bao gồm học phí học chương trình tiếng Anh dự bị, phí thi lại, học lại, học cải thiện điểm và các khoản phí khác nếu sinh viên không đảm bảo được tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo.

Học phí chương trình đào tạo Tiếng Anh dự bị (TADB):

Học phí chương trình đào tạo Tiếng Anh dự bị là 11.165.000 VNĐ/1 sinh viên/1 cấp độ (Mười một triệu, một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

10.2. Điều kiện ngoại ngữ của các chương trình

- Sau khi trúng tuyển nhập học, để được đăng ký học các học phần thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành và ngành, sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (KTCCA), tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) hoặc IELTS 5.5 hoặc tương đương;

- Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu sẽ phải tham gia học Chương trình đào tạo Tiếng Anh dự bị của Trường Quốc tế và một số học phần thuộc khối kiến thức chung bằng tiếng Việt trong năm học thứ nhất (trừ các chương trình liên kết quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng, song bằng);

- Sinh viên ngành Tin học và Kỹ thuật máy tính cần đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu B1 theo KTCCA, tương đương Bậc 3 theo KNLNNVN để được công nhận là sinh viên chính thức;

- Sinh viên các ngành: (1) Công nghệ thông tin ứng dụng, (2) Công nghệ tài chính và Kinh doanh số, (3) Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics phải đạt trình độ B2 tương đương Bậc 4 trong KNLNNVN sau khi kết thúc năm thứ 2;

- Sinh viên ngành Tự động hóa và Tin học phải đạt trình độ B2 tương đương Bậc 4 trong KNLNNVN sau khi kết thúc năm thứ 3;

- Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh phải đạt trình độ Tiếng Anh tối thiểu C1 theo KTCCA, tương đương Bậc 5 theo KNLNNVN và đạt chuẩn trình độ tối thiểu B1 đối với ngoại ngữ 2 mới được xét công nhận tốt nghiệp;

- Sinh viên chương trình Marketing (song bằng do ĐHQGHN và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng) cần có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc tương đương để được công nhận là sinh viên chính thức. Để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc tương đương đạt từ 5.5 trở lên;

- Sinh viên chương trình Quản lý (song bằng do ĐHQGHN và Đại học Keuka, Hoa Kỳ cùng cấp bằng) cần đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu Bậc 4 theo KNLNNVN hoặc chứng chỉ B2 theo KTCCA để được công nhận là sinh viên chính thức. Để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0 hoặc có chứng chỉ tiếng Anh đáp ứng chuẩn đầu ra tối thiểu Bậc 4/6 theo quy định của ĐHQGHN và đồng thời đạt điểm môn ENG104 từ 6/9 điểm trở lên.

10.3. Cơ hội của sinh viên khi học tập tại Trường Quốc tế

- Được học tập và nghiên cứu trực tiếp hoàn toàn trong môi trường bằng tiếng Anh với các giảng viên có trình độ cao, thành thạo ngoại ngữ; được tiếp cận với chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá tiên tiến theo chuẩn giáo dục của các trường đại học nước ngoài; Được học các học phần có giảng viên nước ngoài trực tiếp giảng dạy (lên đến 20 - 25% các học phần chuyên ngành);

- Sinh viên có cơ hội học cùng lúc hai chương trình đào tạo (bằng kép): Sinh viên các ngành Kinh doanh quốc tế, Kế toán Phân tích và Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý, Phân tích dữ liệu kinh doanh và Ngôn ngữ Anh có thể học thêm bằng cử nhân thứ 2 thuộc 04 ngành còn lại tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN; sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế có thể học thêm bằng kép ngành Luật kinh doanh tại Trường Đại học Luật - ĐHQGHN; sinh viên các ngành Kinh doanh quốc tế, Kế toán Phân tích và Kiểm toán và Hệ thống thông tin quản lý có cơ hội học thêm bằng kép ngành Ngôn ngữ Tiếng Anh/ Tiếng Nhật/ Tiếng Hàn Quốc tại Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN;

- Được tiếp cận nguồn học liệu bằng tiếng nước ngoài phong phú tại Trường Quốc tế (15.281 đầu sách giáo trình và sách tham khảo bản quốc tế, tài liệu nghiên cứu từ hệ thống Thư viện truy cập mở hiện đại của Trường Quốc tế) và của ĐHQGHN (kho tài liệu in với 125.000 tên tài liệu tương đương 450.000 bản tài liệu; 500 tên ấn phẩm định kỳ; 25.000 tên luận văn, luận án; 2.000 đề tài kết quả nghiên cứu. Kho tài liệu số bao gồm 50.000 tên tài liệu tương đương với 3 triệu trang tài liệu. Cơ sở dữ liệu trực tuyến: ScienceDirect, Springer, Nature, ACM, IG Publishing, Emerald;

- Được tham gia hoạt động ngoại khóa, kỹ năng mềm; có cơ hội thực tập, trải nghiệm thực tế ở các công ty, tập đoàn; tham gia các dự án khởi nghiệp thông qua các câu lạc bộ

văn hóa và chuyên ngành, hệ thống dịch vụ tư vấn học tập và hướng nghiệp, các hoạt động của Đoàn thanh niên Trường Quốc tế;

- Được trao đổi học tập ngắn hạn ở nhiều trường đại học đối tác uy tín tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Thái Lan, Malaysia, ...;

- Được công nhận tương đương kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ khi đăng ký học chuyển tiếp tại các trường đại học uy tín nước ngoài theo quy định của Trường Quốc tế như Trường ĐH Canberra, ĐH Nam Australia, ĐH Western Sydney, ĐH Curtin (Úc), ĐH Heriot-Watt, ĐH Huddersfield (Anh), ĐH Missouri State, ĐH Arizona (Mỹ), ĐH Chienkuo, ĐH Khoa học và Công nghệ Lunghwa (Đài Loan), ĐH HELP (Malaysia);

- Chương trình cử nhân Kế toán, Phân tích và Kiểm toán là chương trình thứ hai tại Việt Nam được Hiệp hội Kế toán Công chứng Úc (Certified Practising Accountant Australia-CPA Australia) công nhận tại Úc, Trung Quốc, Malaysia, New Zealand, Hồng Kông và nhiều nước khác. Sinh viên tốt nghiệp chương trình này sẽ được miễn hoàn toàn 6 môn Foundation trong chương trình CPA Australia và sẽ có cơ hội trở thành Hội viên dự bị của CPA Australia ngay sau khi tốt nghiệp và bắt đầu theo học các môn chuyên ngành;

- Các chương trình đào tạo song bằng của Trường Quốc tế giúp sinh viên mở rộng tầm nhìn, hiểu biết và phát triển các kĩ năng mềm vượt trội với một kỳ học tại nước ngoài. Sinh viên tốt nghiệp chương trình được nhận đồng thời hai bằng cử nhân từ ĐHQGHN và trường đại học nước ngoài;

- Chương trình Tự động hóa và Tin học là chương trình kỹ sư đầu tiên tại Trường Quốc tế, ĐHQGHN. Chương trình do ĐHQGHN cấp bằng, được xây dựng dựa trên chương trình Hệ thống điều khiển và Công nghệ thông tin trong Công nghiệp của Học viện Hàng không Mát-xcơ-va, LB Nga (MAI).

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

11.1. Phương thức tuyển sinh năm 2023, 2024

Trường Quốc tế xét tuyển theo các phương thức sau:

- Phương thức 1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQGHN;

- Phương thức 2. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT;

- Phương thức 3. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức;

- Phương thức 4. Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp một trong ba kết quả sau: (1) Kết quả học tập bậc THPT; (2) Kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQGHN; (3) Kết quả thi tốt nghiệp THPT;

- Phương thức 5. Xét tuyển các phương thức khác: (1) Xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG-HCM; (2) Xét tuyển các chứng chỉ quốc tế, kết quả các kì thi chuẩn hóa, bao gồm: A-Level; SAT; ACT; IB; (3) Xét tuyển thí sinh quốc tế

11.2. Điểm trúng tuyển vào Trường Quốc tế năm 2023

STT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành	Nhóm ngành	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm thi TN THPT	Kết quả thi HSA	CCTA kết hợp kết quả HSA	CCTA kết hợp học bạ	CCTA kết hợp điểm thi TN THPT	Kết quả kỳ thi SAT
1	QHQ01	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh	260	254	24,35	80	19,3	25	23	1150
2	QHQ02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	Kế toán - Kiểm toán	180	194	22,9	80	19,3	24,7	23	1150
3	QHQ03	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Quản trị - Quản lý	100	116	22,6	80	19,3	24,7	22,5	1150
4	QHQ04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	7480111	Máy tính	100	80	21	80	19,3	24,7	23	1150
5	QHQ05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	Kinh doanh	110	119	23,6	80	19,3	25	23	1150
6	QHQ06	Marketing (song bằng do ĐHQGHN và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng)	7340115	Kinh doanh	100	86	22,75	80	19,3	24,7	22,5	1150
7	QHQ07	Quản lý (song bằng do ĐHQGHN và Đại học Keuka, Hoa Kỳ cùng cấp bằng)	7340108	Kinh doanh	60	27	21	80	19,3	24,7	23	1150
8	QHQ08	Tự động hóa và Tin học	7510306	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	100	51	21	80	19,3	24,7	23	1150
9	QHQ09	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	100	111	23,85	80	19,3	24,7	22,5	1150
10	QHQ10	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	Công nghệ thông tin	110	103	21,85	80	19,3	24,7	23	1150
11	QHQ11	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	7480209	Công nghệ thông tin	110	113	22,25	80	19,3	24,7	23	1150
12	QHQ12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	7520139	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	70	74	22	80	19,3	24,7	23	1150

11.3. Điểm trúng tuyển vào Trường Quốc tế năm 2024

STT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành	Nhóm ngành	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm thi TN THPT	Kết quả thi HSA	CCTA kết hợp kết quả HSA	CCTA kết hợp học bạ	CCTA kết hợp điểm thi TN THPT	Kết quả kỳ thi SAT
1	QHQ01	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh	310	321	23,5	80	19,3	24,5	24,17	1100
2	QHQ02	Kế toán, Phân tích và Kiểm toán	7340303	Kế toán - Kiểm toán	240	240	22,75	80	19,67	24,5	23,33	1120
3	QHQ03	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	Quản trị - Quản lý	140	142	22,35	80	19,43	24,8	23,33	1340
4	QHQ04	Tin học và Kỹ thuật máy tính	7480111	Máy tính	110	47	21	80	20,05	25,5	23	1260

STT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành	Nhóm ngành	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm thi TN THPT	Kết quả thi HSA	CCTA kết hợp kết quả HSA	CCTA kết hợp học bạ	CCTA kết hợp điểm thi TN THPT	Kết quả kỳ thi SAT
5	QHQ05	Phân tích dữ liệu kinh doanh	7340125	Kinh doanh	110	118	24,05	80	20,18	25,1	23,6	1160
6	QHQ06	Marketing (song bằng do ĐHQGHN và Đại học HELP, Malaysia cùng cấp bằng)	7340115	Kinh doanh	100	94	21,5	83	19,93	24,5	23,25	1260
7	QHQ08	Tự động hóa và Tin học	7510306	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông	100	118	21,5	81	20,5	25	23,93	1130
8	QHQ09	Ngôn ngữ Anh (chuyên sâu Kinh doanh – Công nghệ thông tin)	7220201	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	100	97	25,15	84	20,2	25,3	24	1300
9	QHQ10	Công nghệ thông tin ứng dụng	7480210	Công nghệ thông tin	110	130	22,75	82	20,6	25,3	23	-
10	QHQ11	Công nghệ tài chính và Kinh doanh số	7480209	Công nghệ thông tin	110	122	23,3	81	19,43	24,8	23,25	1270
11	QHQ12	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp và Logistics	7520139	Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật	70	87	23,35	80	20,47	24,6	23,08	1130
12	QHQ13	Kinh doanh số	73401A1	Kinh doanh	100	116	25.15	81.25	-	24.83	23.3	-
13	QHQ14	Truyền thông số	7320111	Báo chí và truyền thông	100	112	25.17	81	-	24.63	23.0	-

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

KT. THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Cán bộ tuyển sinh

Thái Thị Minh

ĐT:0986442868

Email: minhtt@vnuis.edu.vn

Nguyễn Quang Thuận

Chủ tịch HĐTS đại học năm 2025